ABBANK

CÔNG BỐ THÔNG TIN

TỶ LỆ AN TOÀN VỐN

Ngày 30 tháng 06 năm 2023

Nội dung

	Trang
Giới thiệu	**4**
Quy định về tỷ lệ an toàn vốn	**4**
Phạm vi công bố thông tin	**4**
Các chỉ số chính	**4**
Phạm vi tính toán tỷ lệ an toàn vốn	**5**
Cơ cấu vốn tự có	**5**
Tỷ lệ an toàn vốn	**7**
Quy trình tính tỷ lệ an toàn vốn	**7**
Kế hoạch vốn	**8**
Rủi ro tín dụng	**9**
Chính sách quản lý rủi ro tín dụng	**9**
Xếp hạng tín nhiệm độc lập sử dụng khi tính CAR	**12**
Giảm thiểu rủi ro tín dụng	**14**
Rủi ro hoạt động	**16**
Chính sách quản lý rủi ro hoạt động	**16**
Kế hoạch duy trì hoạt động liên tục	**17**
Rủi ro thị trường	**18**
Chính sách quản lý rủi ro thị trường	**18**
Chiến lược tự doanh	**18**
Danh mục thuộc sổ kinh doanh	**19**

Bảng

	Trang
Bảng 1: Cơ cấu Vốn tự có	**5**
Bảng 2: Tỷ lệ an toàn vốn	**8**
Bảng 3: TSCRR tín dụng theo loại khoản phải đòi	**10**
Bảng 4: TSCRR tín dụng đối tác theo loại sản phẩm	**10**
Bảng 5: TSCRR tín dụng theo ngành	**11**
Bảng 6: TSCRR tín dụng theo XHTNĐL cho các TCTC trong nước	**12**
Bảng 7: TSCRR tín dụng theo XHTNĐL cho các TCTC nước ngoài	**13**
Bảng 8.1: TSCRR tín dụng trước và sau áp dụng CRM (riêng lẻ)	**14**
Bảng 8.2: TSCRR tín dụng trước và sau áp dụng CRM (hợp nhất)	**15**
Bảng 9: Vốn yêu cầu cho RRHĐ	**17**
Bảng 10: Vốn yêu cầu cho RRTT	**20**

Danh mục viết tắt

CAR	Tỷ lệ an toàn vốn
RWA	Tổng tài sản tính theo rủi ro trọng yếu
ICAAP	Quy trình đánh giá nội bộ về mức đủ vốn
CRM	Giảm thiểu rủi ro tín dụng
ĐCTC	Định chế tài chính
ECAIs	Cơ quan xếp hạng tín dụng độc lập
HSRR	Hệ số rủi ro
NHNN	Ngân hàng nhà nước Việt Nam
RRTD	Rủi ro tín dụng
RRHĐ	Rủi ro hoạt động
RRTT	Rủi ro thị trường
TCTD	Tổ chức tín dụng
TPCP	Trái phiếu chính phủ
TSCRR	Tài sản có rủi ro
XHTNĐL	Xếp hạng tín nhiệm độc lập
XHTDNB	Xếp hạng tín dụng nội bộ

Giải thích thuật ngữ

TSCRR tín dụng	Tổng tài sản có chịu RRTD của ABBANK, không bao gồm rủi ro tín dụng đối tác
Thông tư 41	Thông tư 41/2016/TT-NHNN quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài
Thông tư 35	Thông tư 35/2015/TT-NHNN quy định Chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các TCTD
Thông tư 13	Thông tư 13/2018/TT-NHNN Quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Giới thiệu

Quy định về tỷ lệ an toàn vốn

Kể từ 01/01/2020, ABBANK chính thức tuân thủ quy định Thông tư 41/2016/TT-NHNN (Thông tư 41) về tỷ lệ an toàn vốn đối với các TCTD theo tiêu chuẩn Basel. Theo đó, ABBANK thực hiện tính toán TSCRR và yêu cầu về vốn tối thiểu theo Phương pháp tiêu chuẩn (Standardized approach – SA), để xác định tỷ lệ an toàn vốn (CAR).

Thông tư 41 cũng yêu cầu các ngân hàng thực hiện công bố thông tin tỷ lệ an toàn vốn và khung chính sách quản trị rủi ro định kỳ 6 tháng 1 lần.

Việc công bố thông tin theo quy định của Thông tư 41 nhằm cung cấp cho các bên liên quan (nhà đầu tư, khách hàng, đối tác, cơ quan quản lý,…) thông tin minh bạch về trạng thái vốn, giá trị tài sản có rủi ro cũng như khung quản lý rủi ro của ngân hàng, từ đó đánh giá được mức độ đủ vốn và năng lực quản trị rủi ro của ABBANK.

Phạm vi công bố thông tin

Báo cáo công bố thông tin về tỷ lệ an toàn vốn cung cấp thông tin định lượng và định tính, được xây dựng theo quy định tại Điều 20 và Phụ lục 5 của Thông tư 41, bao gồm: (1) Vốn tự có, (2) Tài sản có rủi ro theo các rủi ro trọng yếu quy định trong Thông tư 41 và (3) Khung quản lý rủi ro.

Báo cáo này được xây dựng dựa theo quy định công bố thông tin của ABBBank và được đăng tải 6 tháng một lần tại website của ngân hàng: https://www.abbank.vn.

Thông tin công bố được đối chiếu với báo cáo tài chính đã kiểm toán cùng kỳ.

Kỳ công bố tỷ lệ an toàn vốn kỳ này tại ngày 30 tháng 06 năm 2023. Trong báo cáo này, thuật ngữ “yêu cầu về vốn” và “vốn yêu cầu” được hiểu là tổng vốn yêu cầu tối thiểu được quy định ở mức 8% của TSCRR theo Điều 6, Thông tư 41.

Các chỉ số chính

Đơn vị: tỷ đồng

Riêng lẻ		*Hợp nhất*	
CAR	**11,37%**	CAR	**11,23%**
CAR cấp 1	**10,91%**	CAR cấp 1	**10,78%**
Tổng vốn tự có hợp lệ	**14.011**	Tổng vốn tự có hợp lệ	**13.849**
Tổng TSCRR	**123.283**	Tổng TSCRR	**123.268**
HSRR tín dụng bình quân	**76,13%**	HSRR tín dụng bình quân	**76,08%**

Phạm vi tính toán tỷ lệ an toàn vốn

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Ngân hàng có hai công ty con như sau:

Tên công ty	Giấy phép đăng ký kinh doanh	Lĩnh vực hoạt động	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản - Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình ("ABBA")	Giấy phép Kinh doanh số 0104009199 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 1 năm 2010	Quản lý tài sản	100%
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ ABBA ("ABBAS") (*)	Giấy phép Kinh doanh số 0106112803 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 2 năm 2013	Dịch vụ bảo vệ	100%

(*) ABBAS được sở hữu gián tiếp bởi Ngân hàng thông qua ABBA.

Số liệu các công ty con này được hợp nhất với công ty mẹ và trình bày trên báo cáo hợp nhất của ABBANK.

Tại ngày 30/06/2023 ABBANK không có khoản đầu tư vào công ty con là doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm không được hợp nhất vào vốn khi tính tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất.

Cơ cấu vốn tự có

Đơn vị: tỷ đồng

Bảng 1: Cơ cấu Vốn tự có		*Riêng lẻ*	*Hợp nhất*
A1	Vốn cấp 1	13.456	13.286
A2	Các khoản phải trừ khỏi Vốn cấp 1	-	-
A	**Tổng Vốn cấp 1 (A =A1-A2)**	**13.456**	**13.286**
B1	Vốn cấp 2	749	751
B2	Các khoản phải trừ khỏi Vốn cấp 2	130	130
B	**Tổng Vốn cấp 2 (B =B1-B2)**	**619**	**621**
C	**Các khoản mục giảm trừ khi tính vốn tự có**	**64**	**58**
D	**Vốn tự có (D =A+B-C)**	**14.011**	**13.849**

Tại 30/06/2023, Vốn tự có của ABBANK bao gồm Vốn tự có cấp 1, Vốn tự có cấp 2 và các khoản giảm trừ khỏi Vốn tự có theo quy định của Thông tư 41.

Công cụ vốn chủ sở hữu có tính chất nợ kỳ hạn gốc 10 năm và kỳ hạn còn lại dưới 3 năm, đáp ứng đầy đủ quy định của Thông tư 41 để ghi nhận nợ thứ cấp vào Vốn tự có cấp 2 của ABBANK.

CƠ CẤU VỐN TỰ CÓ RIÊNG LẺ

Đơn vị: tỷ đồng

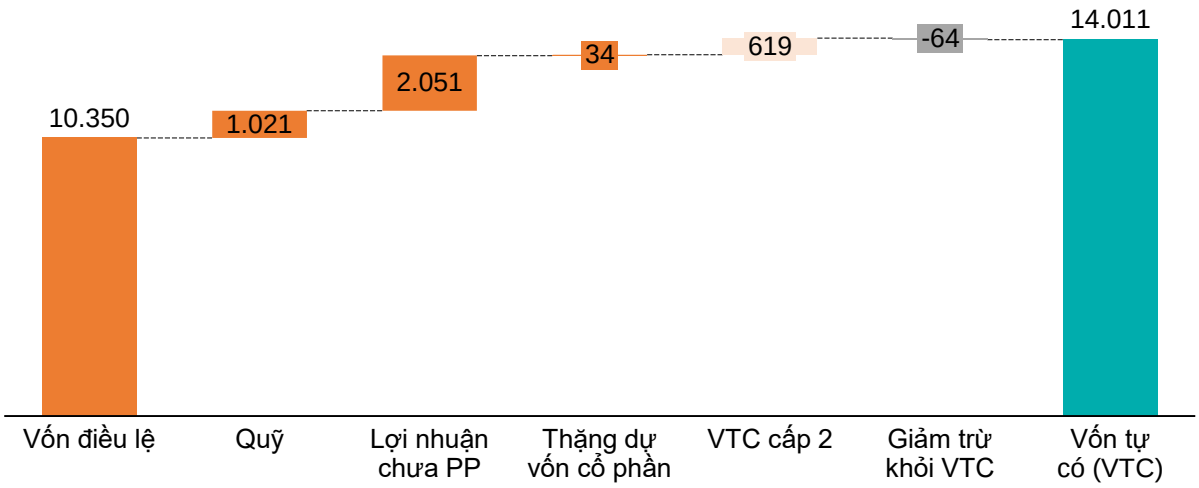

CƠ CẤU VỐN TỰ CÓ HỢP NHẤT

Đơn vị: tỷ đồng

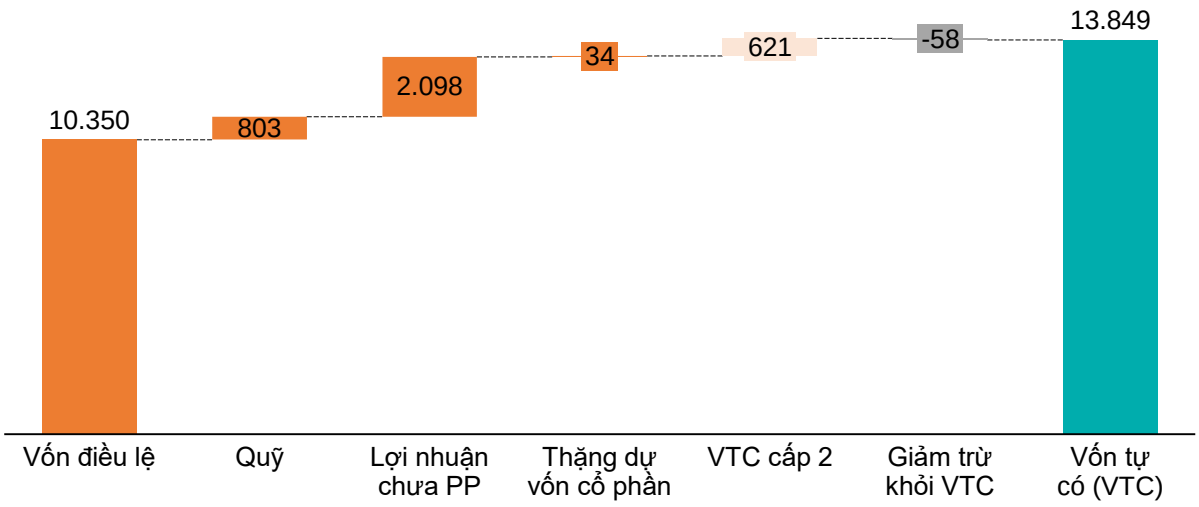

Tỷ lệ an toàn vốn

ABBANK duy trì tỷ lệ an toàn vốn (CAR) riêng lẻ ở mức 11.37% - 12.36% trong nửa đầu năm 2023, luôn cao hơn tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu của NHNN (8%) và cao hơn tỷ lệ an toàn vốn mục tiêu tối thiểu là 10.5% nhờ mức vốn tự có cao và áp dụng các biện pháp tối ưu RWA.

Quy trình tính tỷ lệ an toàn vốn

Dựa trên nền tảng OFSAA do Oracle phát triển, ABBANK vận hành hệ thống tính toán tự động CAR để cung cấp kết quả CAR định kỳ và đột xuất theo quy định của NHNN và yêu cầu quản trị nội bộ.

Việc đầu tư vào hệ thống tính toán tự động CAR nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu đầy đủ, kịp thời cho quá trình tính toán, đồng thời thiết lập các nguyên tắc tính toán chính xác, linh hoạt.

Hệ thống CAR giúp ABBANK giảm thiểu các rủi ro tác nghiệp, đảm bảo tính chính xác và kịp thời của kết quả đầu ra.

ABBANK khai thác kết quả Tài sản có rủi ro (TSCRR) của danh mục theo các chiều riêng biệt (sản phẩm, khách hàng, v.v.) nhằm tối ưu TSCRR và CAR, hỗ trợ cho công tác điều hành và quản lý CAR.

Để vận hành hệ thống hiệu quả, ABBANK đã ban hành Quy định tính toán, báo cáo và quản lý tỷ lệ an toàn vốn quy định chi tiết bao gồm vai trò, chức năng, nhiệm vụ của các bên liên quan trong quy trình thu thập dữ liệu, tính toán CAR và thực hiện báo cáo tuân thủ cũng như các báo cáo quản trị nội bộ liên quan.

CAR&RWA THÔNG TƯ 41

Đơn vị: tỷ đồng

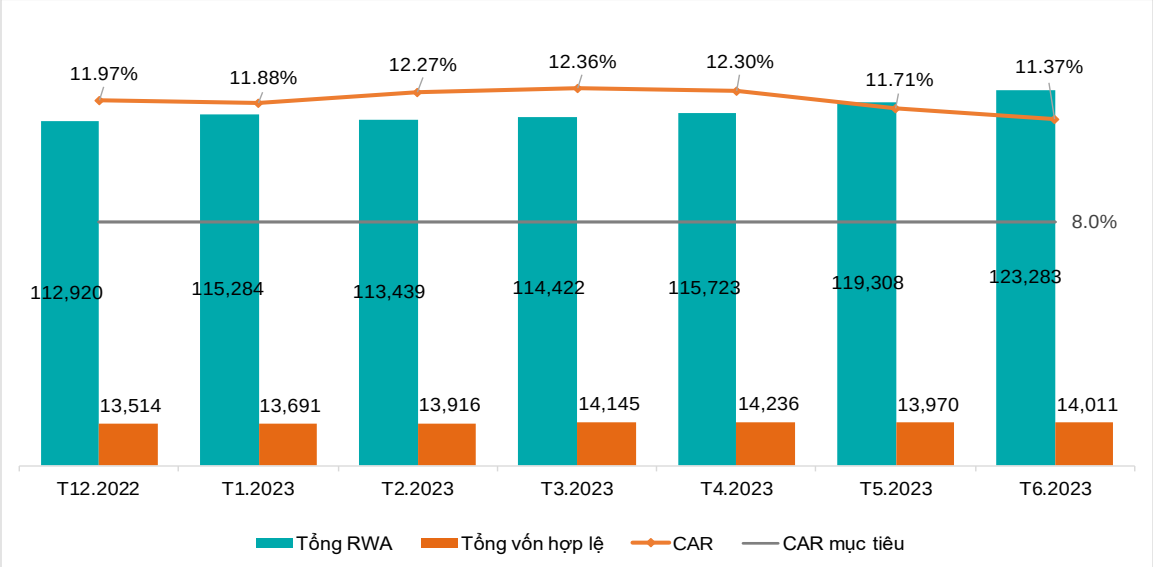

Đơn vị: tỷ đồng

Bảng 2: Tỷ lệ an toàn vốn		Riêng lẻ	Hợp nhất
	Tổng giá trị Tài sản có rủi ro	**123.283**	**123.268**
A	Tài sản tính theo rủi ro tín dụng	108.088	108.016
	Tài sản tính theo rủi ro tín dụng đối tác	943	943
	Tài sản tính theo rủi ro hoạt động	11.636	11.693
	Tài sản tính theo rủi ro thị trường	2.615	2.615
	Tổng vốn tự có hợp lệ	**14.011**	**13.849**
B	Vốn cấp 1 (sau giảm trừ)	13.456	13.286
	Vốn cấp 2 (sau giảm trừ)	619	621
	Các khoản trừ khác	64	58
C	**Yêu cầu vốn tối thiểu và các tỷ lệ vốn**		
	Tỷ lệ vốn cấp 1	10,91%	10,78%
	Tỷ lệ an toàn vốn	**11,37%**	**11,23%**

Kế hoạch vốn

ABBANK thực hiện quy trình đánh giá mức đủ vốn nội bộ (ICAAP) hàng năm theo quy định của Thông tư 13 và thông lệ tiên tiến của Basel.

Trong đó, ABBANK đã xây dựng kế hoạch vốn phù hợp với kế hoạch kinh doanh trung hạn 2023-2025 cũng như khẩu vị rủi ro của Ngân hàng. Trong 6 tháng đầu năm 2023 ABBANk đã thực hiện chia cổ tức năm 2021 bằng cổ phiêu đảm bảo đáp ứng vốn mục tiêu:

- ABBANK thực hiện phát hành cổ phiếu để chia cổ tức năm 2021 cho Cổ đông với tỷ lệ 10%. Cụ thể ABBANK đã phát hành thêm gần 94,1 triệu cổ phiếu để chia cổ tức với giá trị phát hành thêm gần 941 tỷ đồng làm tăng vốn điều lệ từ 9.409 tỷ đồng lên 10.350 tỷ đồng.

Việc tăng vốn góp phần cải thiện đáng kể tỷ lệ an toàn vốn (CAR) của ABBANK trong giai đoạn tiếp theo.

ABBANK đã thực hiện ICAAP năm 2023 nhằm xây dựng kế hoạch vốn đáp ứng vốn mục tiêu trong giai đoạn 2023-2025. Trong đó, ABBANK thực hiện phân bổ vốn cho các đơn vị sở hữu Sổ / Khối kinh doanh để tăng cường hiệu quả sử dụng vốn và là cơ sở cho hoạt động giám sát vốn.

Rủi ro tín dụng

Chính sách quản lý rủi ro tín dụng

Chính sách quản lý rủi ro tín dụng (RRTD) là một cấu phần trong Chính sách quản lý rủi ro tổng thể của Ngân hàng, được xây dựng dựa trên các yêu cầu của cơ quan quản lý, và cụ thể hóa với đặc điểm kinh doanh của ABBANK. Chính sách quản lý RRTD đưa ra các nguyên tắc và cơ sở cho hoạt động quản lý RRTD tại ABBANK gồm:

- Công tác quản lý RRTD được thực hiện theo nguyên tắc của Basel II và tuân thủ các quy định của NHNN trên cơ sở nguồn lực đảm bảo, hệ thống công nghệ thông tin tiên tiến;
- Quản lý RRTD toàn diện xuyên suốt 3 tuyến bảo vệ theo Chính sách QLRR, Khẩu vị rủi ro, Hạn mức rủi ro, Định hướng tín dụng, Quy trình cấp tín dụng;
- Xây dựng, và quản trị các mô hình, hệ thống đo lường RRTD tiệm cận với các thông lệ tiên tiến;
- Kiểm soát xung đột lợi ích trong hoạt động cấp tín dụng, đảm bảo chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận liên quan đến quản lý RRTD phải được xác định rõ ràng theo nguyên tắc ba tuyến bảo vệ độc lập.

Chiến lược quản lý RRTD

Căn cứ Chính sách quản lý RRTD, Khẩu vị rủi ro và Hạn mức rủi ro tín dụng, chiến lược quản lý RRTD nhằm:

- Xác định mức RRTD ABBANK có thể chấp nhận để đạt mục tiêu kinh doanh;
- Thiết lập hệ thống để nhận diện, đo lường, theo dõi, giám sát và báo cáo hiệu quả công tác quản lý RRTD;
- Xây dựng các biện pháp giảm thiểu RRTD và nguyên tắc áp dụng
- Quản lý RRTD song song với các mục tiêu chính của Ngân hàng: Hoạt động an toàn và khả năng sinh lời cao nhất trong hoạt động tín dụng.

Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ

Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ (XHTDNB) được xây dựng để đo lường mức độ rủi ro của khách hàng theo định kỳ hoặc khi cần thiết thông qua mức xếp hạng tín dụng.

Kết quả XHTDNB là một trong các cơ sở để xét duyệt cấp tín dụng, quản lý chất lượng tín dụng, xây dựng chính sách dự phòng rủi ro phù hợp với phạm vi hoạt động và tình hình thực tế của Ngân hàng.

Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, hệ thống XHTDNB được xem xét, sửa đổi, bổ sung trên cơ sở số liệu, thông tin khách hàng thu thập được trong năm.

Đo lường, theo dõi và kiểm soát RRTD

ABBANK thực hiện đo lường từng khoản cấp tín dụng thông qua các mô hình đo lường rủi ro như: Mô hình Xếp hạng tín dụng/Xác suất khách hàng không trả được nợ: (PD - Probability of Default), Tổn thất khi khách hàng không trả được nợ (LGD - Loss Given Default), Dư nợ khi khách hàng không trả được

nợ (EAD- Exposure at Default) đạt tiêu chuẩn Basel II, tiệm cận chuẩn IFRS, Basel III của thông lệ quản trị rủi ro tiên tiến trên thế giới. ABBANK thực hiện đo lường, kiểm soát rủi ro cấp độ danh mục trên cơ sở các mô hình cảnh báo sớm, mô hình dự báo tỉ lệ nợ xấu.

RRTD được theo dõi trong suốt vòng đời của giao dịch tín dụng từ khâu xem xét, thẩm định, phê duyệt và quản lý tín dụng để đảm bảo hoạt động cấp tín dụng tuân thủ quy định của pháp luật và quy định nội bộ của ABBANK.

RRTD được kiểm soát chặt chẽ, theo chiến lược quản lý RRTD, hạn mức rủi ro góp phần giảm thiểu RRTD của ABBANK.

Cơ chế trao đổi thông tin về quản lý RRTD được thiết lập theo nhiều chiều (top-down, bottom-up và giữa các bộ phận liên quan), đảm bảo mọi cá nhân ở tất cả các cấp, các bộ phận được thông báo, phổ biến, nhận thức thống nhất, đầy đủ về chính sách, quy trình, mục tiêu quản lý RRTD.

Đơn vị: tỷ đồng

Bảng 3: TSCRR tín dụng theo loại khoản phải đòi	*Riêng lẻ*	*Hợp nhất*
Tài sản là khoản phải đòi nội bảng	**98.424**	**98.625**
Khoản phải đòi Chính phủ	56	56
Khoản phải đòi Định chế tài chính	13.510	13.711
Khoản đòi doanh nghiệp	47.132	47.132
Khoản cho vay đảm bảo bằng bất động sản (*)	5	5
Khoản cho vay thế chấp nhà ở	-	-
Khoản phải đòi Bán lẻ	33.148	33.148
Nợ xấu	4.572	4.572
Khoản phải đòi khác	0	0
Tài sản là khoản phải đòi ngoại bảng	**6.139**	**6.139**
Khoản phải đòi bán lẻ	1.117	1.117
Khoản phải đòi doanh nghiệp	4.993	4.993
Nợ xấu	29	29
Các loại tài sản khác	**3.526**	**3.252**
Tổng TSCRR tín dụng	**108.008**	**108.016**

(*): Bao gồm cả doanh nghiệp và cá nhân; trừ khoản phải đòi thế chấp nhà ở cá nhân khoản cho vay chuyên biệt tài trợ dự án kinh doanh bất động sản

Bảng 4: TSCRR tín dụng đối tác theo loại sản phẩm	Riêng lẻ	Hợp nhất
Giao dịch tự doanh	853	853
Giao dịch repo và giao dịch reserve repo	-	-
Giao dịch sản phẩm phái sinh để phòng ngừa rủi ro	41	41
Giao dịch mua bán ngoại tệ, tài sản tài chính	50	50
Tổng TSCRR tín dụng đối tác	**943**	**943**

(*): TSCRR tín dụng đối tác chỉ phát sinh với các khoản phải đòi là định chế tài chính trong nước

TSCRR theo ngành

Hoạt động tín dụng của ABBANK được đa dạng hóa trên hầu khắp các ngành để đảm bảo giảm thiểu rủi ro tín dụng tập trung, tuy nhiên vẫn tập trung ở các ngành chính sau:

- Dịch vụ cá nhân;
- Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác
- Xây dựng;
- Công nghiệp chế biến, chế tạo;
- Nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản;

Thông tin về các ngành nghề kinh tế được phân bổ theo danh sách ngành nghề theo quy định của Thông tư 35/2015/TT-NHNN quy định về chế độ báo cáo thống kê với các TCTD.

Đơn vị: tỷ đồng

Bảng 5: TSCRR tín dụng theo ngành	Riêng lẻ	Hợp nhất
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản	3.944	3.944
Công nghiệp chế biến, chế tạo	4.733	4.733
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	4.861	4.861
Xây dựng	17.558	17.558
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	12.585	12.693
Vận tải kho bãi	964	964
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	15.396	15.467
Hoạt động sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	3.277	3.277
Hoạt động kinh doanh bất động sản	4.691	4.691
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	74	74
Dịch vụ cá nhân	33.636	33.658
Ngành khác	6.371	6.097
Tổng TSCRR tín dụng theo ngành	**108.088**	**108.016**

Xếp hạng tín nhiệm độc lập được sử dụng khi tính CAR

Thông tư 41 yêu cầu sử dụng kết quả xếp hạng tín nhiệm độc lập (XHTNĐL) do các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập (ECAIs) cung cấp, để xác định hệ số rủi ro (HSRR) cho các loại khoản phải đòi sau:

- Chính quyền trung ương và các ngân hàng trung ương nước ngoài;
- Tổ chức công lập chính phủ và chính quyền địa phương các nước;
- Tổ chức tài chính (TCTC).

ABBANK sử dụng một cách nhất quán, theo thứ tự ưu tiên, kết quả XHTNĐL của ba ECAIs sau:

1. **Moody's Investor Service;**
2. **Standard and Poor's**
3. **Fitch Rating.**

Các ECAIs này đều thỏa mãn yêu cầu của NHNN theo quy định tại Điều 5, Thông tư 41 về:

- Tính khách quan;
- Tính độc lập;
- Tính minh bạch ;
- Tính công khai;
- Năng lực;
- Độ tin cậy.

Tại thời điểm 30/06/2023, ABBANK:

- Không có các khoản phải đòi của chính quyền và ngân hàng trung ương nước ngoài cũng như các khoản phải đòi của tổ chức công lập chính phủ và chính quyền địa phương nước ngoài;
- Chỉ các khoản phải đòi TCTC nước ngoài trên cơ sở riêng lẻ và hợp nhất.;
- Có các khoản phải đòi TCTC trong nước trên cả cơ sở riêng lẻ và hợp nhất.

Đơn vị: tỷ đồng

Bảng 6: TSCRR tín dụng theo XHTNĐL cho các TCTC nước ngoài	*HSRR*	*Riêng lẻ*	*Hợp nhất*
AAA đến AA-	20%	71	71
A+ đến BBB-	50%	976	976
BB+ đến B-	100%	-	-
Dưới B- hoặc Không có xếp hạng	150%	531	531
Tổng		**1.577**	**1.577**

Đơn vị: tỷ đồng

Bảng 7: TSCRR tín dụng theo XHTNĐL cho các TCTC trong nước		HSRR	Riêng lẻ	Hợp nhất
Khoản phải đòi có thời hạn ban đầu từ 3 tháng trở lên	AAA đến AA-	20%	-	-
	A+ đến BBB-	50%	-	-
	BB+ đến BB-	80%	605	605
	B+ đến B-	100%	50	71
	Dưới B- hoặc Không có xếp hạng	150%	509	690
	Tổng		**1.164**	**1.366**
Khoản phải đòi có thời hạn ban đầu dưới 3 tháng	AAA đến AA-	10%	-	-
	A+ đến BBB-	20%	-	-
	BB+ đến BB-	40%	7.320	7.320
	B+ đến B-	50%	1.998	1.998
	Dưới B- hoặc Không có xếp hạng	70%	1.450	1.450
	Tổng		**10.768**	**10.768**

Giảm thiểu rủi ro tín dụng

Trong số các biện pháp giảm thiểu RRTD (CRM) hợp lệ theo quy định của Thông tư 41, hiện tại, ABBANK chưa sử dụng các biện pháp giảm thiểu RRTD sau:

- Bảo lãnh của bên thứ ba;
- Sản phẩm phái sinh tín dụng.

Với biện pháp CRM bằng tài sản đảm bảo (TSĐB), các TSĐB hợp lệ theo quy định gồm:

- Tiền mặt, giấy tờ có giá, thẻ tiết kiệm do TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành;
- Vàng (vàng tiêu chuẩn, vàng vật chất, vàng trang sức với giá trị được chuyển đổi giá trị sang vàng 99.99);
- Giấy tờ có giá do Chính phủ Việt Nam, NHNN phát hành hoặc bảo lãnh thanh toán;
- Chứng khoán nợ do chính phủ các nước, tổ chức công lập của chính phủ các nước phát hành được XHTNĐL từ BB- trở lên;
- Chứng khoán nợ do doanh nghiệp phát hành được XHTNĐL từ BBB- trở lên;
- Cổ phiếu được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh và Hà Nội;

Quy định về CRM bằng TSĐB và bù trừ nội bảng thực hiện theo Chính sách đánh giá chất lượng Tài sản Có và tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn của ABBANK.

Đơn vị: tỷ đồng

Bảng 8.1: TSCRR tín dụng trước và sau áp dụng CRM (riêng lẻ)	*RWA trước khi áp dụng CRM(*)*	*Giá trị CRM*	*RWA sau khi áp dụng CRM*
Khoản phải đòi Chính phủ	56	-	56
Khoản phải đòi Định chế tài chính	20.639	2.989	13.510
Khoản phải đòi doanh nghiệp	48.150	1.012	47.132
Khoản cho vay đảm bảo bằng bất động sản	5	-	5
Khoản cho vay thế chấp nhà ở	-	-	-
Khoản phải đòi Bán lẻ	33.880	846	33.148
Nợ xấu	4.575	2	4.572
Các loại tài sản khác	4.467	-	3.526
Tài sản ngoại bảng	4.987	-	6.139
Tổng	**116.759**	**4.849**	**108.088**

(*): Gồm cả nội bảng và ngoại bảng

Đơn vị: tỷ đồng

Bảng 8.2: TSCRR tín dụng trước và sau áp dụng CRM (hợp nhất)	*RWA trước khi áp dụng CRM(*)*	*Giá trị CRM*	*RWA sau khi áp dụng CRM*
Khoản phải đòi Chính phủ	56	-	56
Khoản phải đòi Định chế tài chính	20.841	2.989	13.711
Khoản phải đòi doanh nghiệp	48.150	1.012	47.132
Khoản cho vay đảm bảo bằng bất động sản	5	-	5
Khoản cho vay thế chấp nhà ở	-	-	-
Khoản phải đòi Bán lẻ	33.880	846	33.148
Nợ xấu	4.575	2	4.572
Các loại tài sản khác	4.193	-	3.252
Tài sản ngoại bảng	5.927	-	6.139
Tổng Cộng	**117.627**	**4.849**	**108.016**

(*): Gồm cả nội bảng và ngoại bảng

Rủi ro hoạt động

Chính sách quản lý rủi ro hoạt động

- Trong 06 tháng đầu năm 2023, ABBANK đã điều chỉnh các văn bản liên quan đến công tác quản trị rủi ro hoạt động như: Chính sách quản trị rủi ro hoạt động, Quy định phân quyền hệ thống CNTT, ban hành mới Quy trình quản trị rủi ro trong hoạt động mở và sử dụng tài khoản thanh toan qua phương tiện điện tử,…

Chiến lược quản lý RRHĐ

- Các năm vừa qua, ABBANK vẫn duy trì một chiến lược quản trị rủi ro nhất quán. Trong vòng 06 tháng đầu năm 2023, ABBANK đã ban hành Tuyên bố về Khẩu vị rủi ro và Hạn mức rủi ro 2023. Trong mỗi giai đoạn, Khẩu vị rủi ro được xây dựng nhằm đảm bảo có sự liên kết chặt chẽ với chiến lược, mục tiêu, kế hoạch kinh doanh của ABBANK và kỳ vọng về lợi nhuận, mức độ rủi ro hoạt động có thể chấp nhận được và yêu cầu về vốn để theo đuổi các chiến lược đã được đặt ra. Hạn mức rủi ro có phạm vi hẹp hơn so với khẩu vị rủi ro, nhưng bám sát và có tính cảnh báo sớm khá cao đối với từng rủi ro hoạt động phát sinh, giúp các cấp quản lý có hành động can thiệp kịp thời nhằm đảm bảo hạn chế tác động của rủi ro và tuân thủ khẩu vị rủi ro đã được phê duyệt từng thời kỳ.

Đo lường, theo dõi và kiểm soát RRHĐ

- Các công cụ đo lường rủi ro hoạt động như: Quy định thu thập và quản lý xự kiện rủi ro (IMDC), Tự đánh giá và kiểm soát rủi ro hoạt động (RCSA), Quản lý chỉ số rủi ro trọng yếu (KRI) đã được điều chỉnh trong Quý III/2023 nhằm phù hợp với cơ cấu tổ chức mới, giúp thu thập các thông tin rủi ro nhanh chóng và hiệu quả.
- Tiếp tục phát triển kênh giám sát từ xa thông qua rà soát hệ thống để phát hiện sớm các dấu hiệu rủi ro, hành vi sai sót tác nghiệp và gian lận. Đến thời điểm hiện tại, công tác giám sát vẫn đang thực hiện và đã nhận được các phản hồi tích cực từ các đơn vị.
- Kênh trang truyền thông các sự kiện rủi ro được cập nhật hàng tháng, đưa ra các nội dung thực tế về rủi ro giúp cảnh báo và để CBNV có thể nhận diện được các thủ đoạn lừa đảo ngày càng tinh vi của tội phạm, đồng thời đưa ra phương án phòng tránh và giải quyết các vấn đề khó khăn mà CBNV đng gặp phải trong quá trình tác nghiệp
- Hoạt động tư vấn hỗ trợ ĐVKD nhận diện rủi ro, có hành vi ứng xử phù hợp trước rủi ro được đặc biệt quan tâm và phát huy thường xuyên.

Kế hoạch duy trì hoạt động liên tục

- Công tác duy trì hoạt động kinh doanh liên tục vẫn đang được ban lãnh đạo Ngân hàng cực kỳ quan tâm. Ngay từ đầu năm, ABBANK đã lập và triển khai kế hoạch diễn tập các tình huống ứng phó sự cố khẩn cấp bao gồm ứng phó khủng bố/ cướp tại các ĐVKD, kế hoạch khôi phục hệ thống quan trọng sau thảm họa đối với các hệ thống CNTT quan trọng. Trong đó, ABBANK đã hoàn thành việc diễn tập khủng bố/ cướp tại 6 ĐVKD gồm Vũng Tàu, Cần Thơ, Chánh Hưng, Kiên Giang, Đà Nẵng, Thanh Hóa. Các ĐVKD đều hoàn thành tốt điễn tập và đúc kết được kinh nghiệm trong trường hợp xảy ra tình huống thực tế.
- Các văn bản về duy trì hoạt động kinh doanh liên tục cũng sẽ được ABBANK đưa vào kế hoạch rà soát tổng thể và điều chỉnh. Một số Dự thảo đang trong quá trình hoàn thiện như: Hướng dẫn ứng phó các tình huống khủng bố, đe dọa an ninh, an toàn hoạt động tại ABBANK, quy định mới về ứng phó thiên tai, quy trình quản lý sự cố truyền thông, quy trình ứng phó các sự cố nghiệp vụ có khả năng tác động đến trải nghiệm của khách hàng.

Bảng 9: Vốn yêu cầu cho RRHĐ	*Riêng lẻ*	*Hợp nhất*
IC (Thu nhập ròng từ lãi)	9.602	9.692
SC (Thu nhập ròng từ dịch vụ)	4.746	5.276
FC (Lãi/lỗ từ hoạt động Khối nguồn vốn)	4.270	3.742
BI (Chỉ số kinh doanh)	18.618	18.710
Vốn yêu cầu cho RRHĐ	**931**	**935**
Tài sản tính theo rủi ro hoạt động	**11.636**	**11.693**

Rủi ro thị trường

Chính sách quản lý rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường (RRTT) tại ABBANK bao gồm rủi ro lãi suất trên sổ kinh doanh và rủi ro ngoại hối.

Chiến lược quản lý RRTT

Chiến lược quản lý RRTT của ABBANK thể hiện qua việc kiểm soát tốt mức vốn phân bổ cho rủi ro thị trường do TGĐ ban hành trên cơ sở khẩu vị rủi ro do HĐQT phê duyệt, gồm:

- Hạn mức giao dịch đối với từng giao dịch viên;
- Hạn mức cắt lỗ (Stop loss);
- Hạn mức độ nhạy đối với sự thay đổi của lãi suất (PV01);
- Hạn mức giá trị chịu rủi ro tối đa;
- Hạn mức tổng trạng thái nắm giữ….

Đo lường RRTT

RRTT được đo lường thông qua các giá trị chịu rủi ro bằng cách sử dụng các phương pháp đo lường như VaR, cũng như các giới hạn tiền tệ, bao gồm trạng thái mở/đóng theo từng loại tiền tệ, các chốt chặn kiểm soát, độ nhạy đối với sự thay đổi lãi suất và dịch chuyển điểm cơ bản và kiểm tra sức chịu đựng, hạn mức giao dịch viên.

Tất cả các mô hình được kiểm soát chặt chẽ, kiểm thử, kiểm định độc lập và cập nhật theo chính sách do HĐQT phê duyệt.

Theo dõi và kiểm soát RRTT

RRTT được kiểm soát thông qua các biện pháp bao gồm thiết lập và cập nhật thường xuyên kế hoạch tự doanh, thực hiện giao dịch thông qua hệ thống CNTT tiên tiến, rà soát các giao dịch được đề xuất so với các hạn mức được phê duyệt trước khi thực hiện, thiết lập một bộ nguyên tắc, quy định đầy đủ, nghiêm ngặt và được phổ biến cụ thể đến đội ngũ nhân viên tại các bộ phận front, middle và back office cũng như bộ phận quản lý rủi ro.

Chiến lược tự doanh

Chiến lược tự doanh ngoại tệ

Dựa trên khẩu vị rủi ro và phân tích diễn biến của các biến số bằng các công cụ dự báo, bộ phận tự doanh ngoại hối kinh doanh các giao dịch mua/bán sản phẩm ngoại hối, vàng và phái sinh ngoại hối, lãi suất để thu lợi nhuận cho ngân hàng bao gồm nhưng không hạn chế:

- Tự doanh cặp ngoại tệ USD/VND: giao dịch trong hạn mức cho phép căn cứ chênh lệch giá trên thị trường
- Mua bán cặp ngoại tệ G7: dựa trên biến động các cặp ngoại tệ
- Giao dịch các sản phẩm phái sinh: căn cứ trên biến động tỷ giá, lãi suất và chênh lệch kì hạn.

Chiến lược tự doanh các công cụ thu nhập cố định (FI)

Dựa trên phân tích và nhận định thị trường, khẩu vị rủi ro, nguồn lực, quy mô của ABBANK, bộ phận tự doanh FI thực hiện các giao dịch tự doanh Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, Trái phiếu Chính quyền địa phương (TPCP), các công cụ tài chính có lãi suất khác với chiến lược kinh doanh linh hoạt:

- Chiến lược mua bán ngắn hạn: (1) dựa trên sự biến động của lợi suất TPCP để thu lợi nhuận từ chênh lệch giữa giá mua và giá bán, (2) dựa trên biến động giá trái phiếu tương lai để đóng/mở trạng thái.
- Chiến lược Carry trade ngắn hạn: dựa trên chênh lệch giữa lợi suất trái phiếu và chi phí vốn khi đầu tư để thực hiện việc mua vào trái phiếu, nắm giữ và bán ra sau 1 thời gian xác định để thu lợi nhuận.
- Chiến lược mua bán ngắn hạn với các công cụ tài chính có lãi suất khác: mua bán ngắn hạn nhằm thu lợi nhuận từ chênh lệch giá.

Danh mục thuộc sổ Kinh doanh

ABBANK đã ban hành Quy chế quản lý sổ Kinh doanh và sổ ngân hàng theo đó, các khoản mục được xác định vào sổ Kinh doanh phải thỏa mãn một trong các mục đích kinh doanh:

- Thu lợi nhuận từ biến động giá trong ngắn hạn;
- Thu lợi nhuận từ kinh doanh chênh lệch giá;
- Phòng ngừa các rủi ro thị trường;
- Không bị hạn chế về khả năng mua, bán theo bất kỳ quy định nào của pháp luật và của của ABBANK;
- Có chiến lược tự doanh được ban hành theo thời kỳ của ABBANK;
- Có bộ phận kinh doanh chuyên trách trực tiếp thực hiện giao dịch;
- Có khả năng phòng ngừa rủi ro thị trường một cách đầy đủ.

Sổ kinh doanh ghi nhận các trạng thái của:

- TPCP, TPCP bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- Giao dịch hợp đồng tương lai TPCP;
- Giao dịch mua/bán ngoại tệ giao ngay, giao dịch mua/bán ngoại tệ kỳ hạn, giao dịch hoán đổi ngoại tệ;
- Giao dịch phái sinh lãi suất (hoán đổi tiền tệ chéo, hóan đổi lãi suất);
- Các công cụ tài chính khác được giao dịch trên thị trường chính thức thỏa mãn yêu cầu của sổ Kinh doanh.

Đơn vị: tỷ đồng

Bảng 10: Vốn yêu cầu cho RRTT	*Riêng lẻ*	*Hợp nhất*
Vốn yêu cầu cho rủi ro lãi suất	124	124
Vốn yêu cầu cho rủi ro giá cổ phiếu	-	-
Vốn yêu cầu cho rủi ro ngoại hối	85	85
Vốn yêu cầu cho rủi ro giá hàng hóa	-	-
Vốn yêu cầu cho rủi ro cho các giao dịch quyền chọn	-	-
Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường	**209**	**209**
Tài sản tính theo rủi ro thị trường	**2.615**	**2.615**

ABBANK

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH

Số 36 Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Hà Nội

www.abbank.vn 18001159

www.facebook.com/nganhanganbinh/

abbank_anbinh abbank- ngân hàng an bình